

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----o0o-----



HỒ SƠ YÊU CẦU

Tên gói mua sắm: Mua sắm công cụ dụng cụ (máy tính bảng) cho cán bộ của Công ty Chứng khoán Công thương

Chủ đầu tư: Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam

Hà Nội, tháng 08 năm 2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----o0o-----

HỒ SƠ YÊU CẦU

Tên gói mua sắm: Mua sắm công cụ dụng cụ (máy tính bảng) cho cán bộ của Công ty Chứng khoán Công thương

Chủ đầu tư: Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam

Phát hành ngày: 04/08/2025

Ban hành kèm theo Quyết định: Số 134A/2025/QĐ-CKCT01 ngày 04/08/2025

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

TỔNG GIÁM ĐỐC



Vũ Đức Mạnh

Chương I. CHỈ DẪN NHÀ CUNG CẤP

1. Giới thiệu gói mua sắm

- Tên gói mua sắm: Mua sắm công cụ dụng cụ (máy tính bảng) cho cán bộ của Công ty Chứng khoán Công thương.

- Địa điểm: Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam – Địa chỉ: Tầng 1 đến Tầng 4, Tòa Nhà N02-T2 Khu Đoàn Ngoại giao, phường Xuân Đình, thành phố Hà Nội (địa chỉ theo phân chia địa giới hành chính cũ: phường Xuân Tảo, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội).

- Nguồn vốn: Nguồn chi phí của Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam.

- Phương thức thực hiện hợp đồng: Trọn gói.

- Thời gian thực hiện hợp đồng: 15 ngày, kể từ ngày ký kết hợp đồng.

- Thời gian thực hiện gói mua sắm: Từ Quý III đến Quý IV năm 2025.

2. Tư cách hợp lệ của nhà cung cấp:

a. Về điều kiện pháp lý:

- Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp;

- Hạch toán tài chính độc lập (có bản sao Báo cáo tài chính năm 2024 hoặc cam kết);

- Không đang trong quá trình giải thể, không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.

b. Về năng lực, kinh nghiệm:

- Nhà cung cấp có đăng ký kinh doanh phù hợp với yêu cầu về cung cấp của gói mua sắm (có ngành nghề kinh doanh phù hợp với yêu cầu của gói mua sắm).

- Nhà cung cấp đã có kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự về việc cung cấp máy tính bảng trong vòng 03 năm trở lại đây.

3. Yêu cầu về phạm vi cung cấp

- Phạm vi cung cấp:

Stt	Danh mục hàng hóa	Đơn vị	Số lượng	Mô tả	Ghi chú
1	Máy tính bảng loại 01	Cái	10	Theo nội dung yêu cầu về kỹ thuật	
2	Máy tính bảng loại 02	Cái	18	Theo nội dung yêu cầu về kỹ thuật	
3	Máy tính bảng loại 03	Cái	35	Theo nội dung yêu cầu về kỹ thuật	
4	Bút cảm ứng	Cái	63	Theo nội dung yêu cầu về kỹ thuật	

- Tiến độ cung cấp:

Stt	Danh mục hàng hóa	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ cung cấp	Địa điểm cung cấp
1	Máy tính bảng loại 01	Cái	10	Trong vòng 15 ngày, kể từ ngày ký kết hợp đồng	Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam - Tầng 1 đến Tầng 4, Tòa nhà N02-T2 Khu Đoàn Ngoại giao, phường Xuân Đình, thành phố Hà Nội
2	Máy tính bảng loại 02	Cái	18		
3	Máy tính bảng loại 03	Cái	35		
4	Bút cảm ứng	Cái	63		

- Yêu cầu về kỹ thuật:

Dưới đây là yêu cầu kỹ thuật tối thiểu. Bất kỳ thương hiệu, mã hiệu (nếu có) được nêu trong bảng yêu cầu kỹ thuật dưới đây nhằm để minh họa các tiêu chuẩn chất lượng, tính năng kỹ thuật yêu cầu. Nhà thầu có thể lựa chọn chào thầu hàng hóa có nguồn gốc, xuất xứ, nhà sản xuất (hãng sản xuất), thương hiệu, mã hiệu phù hợp với điều kiện cung cấp nhưng phải đảm bảo yêu cầu có tiêu chuẩn kỹ thuật, đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng “tương đương” hoặc “ưu việt hơn” so với các yêu cầu (Nhà thầu phải cung cấp tài liệu kèm theo để chứng minh tương đương hoặc ưu việt hơn).

Stt	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật yêu cầu	Ghi chú
1	Máy tính bảng loại 01	* Thiết kế: Vỏ kim loại; độ dày máy: 5,3mm (± 1mm); trọng lượng: 444g (± 50g). * Màn hình: 11 inch, độ phân giải $\geq 2420 \times 1668$ pixels, loại màn hình OLED, tần số quét ≥ 120 Hz, GPU ≥ 10 Core, công nghệ chống in dấu vân tay. * CPU: ≥ 9 Core. * RAM: Dung lượng ≥ 8 GB. * Bộ nhớ: ≥ 256 GB. * Pin: $\geq 31,29$ watt-giờ, thời gian sử dụng liên tục: ≥ 10 giờ. * Bảo mật: Face ID. * Camera: Camera trước ≥ 1 cái; Camera sau ≥ 2 cái, độ phân giải ≥ 12 MP, trong đó tối thiểu có 1 camera có khẩu độ ≤ 1.8; hỗ trợ quay video 4K, có chế độ chống rung. * Kết nối: trang bị kết nối wifi 6E, bluetooth 5.3 và Thunderbolt/USB 4 trở lên. Được trang bị đầu nối nam châm kết nối với bút cảm ứng. * Sản phẩm kèm theo: Cáp sạc + bộ nguồn USB-C ≥ 20w.	

Stt	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật yêu cầu	Ghi chú
		* Bảo hành: ≥ 12 tháng.	
2	Máy tính bảng loại 02	* Thiết kế: Độ dày máy: 6,1mm (± 1mm); trọng lượng: 460g (± 50g). * Màn hình: 11 inch, độ phân giải $\geq 2360 \times 1640$ pixels, công nghệ màn hình LED và IPS, GPU ≥ 9 Core, độ sáng ≥ 500nit, công nghệ chống in dấu vân tay. * CPU: ≥ 8 Core. * RAM: Dung lượng ≥ 8 GB. * Bộ nhớ: ≥ 256 GB. * Pin: $\geq 28,93$ watt-giờ, thời gian sử dụng liên tục: ≥ 10 giờ. * Bảo mật: Vân tay (Touch ID). * Camera: Camera trước ≥ 1 cái, độ phân giải ≥ 12 MP; Camera sau ≥ 1 cái, độ phân giải ≥ 12 MP, khẩu độ ≤ 1.8, có lớp bảo vệ ống kính, hỗ trợ quay video 4K, có chế độ chống rung. * Kết nối: trang bị kết nối wifi 6E, bluetooth 5.3 và USB-C (hỗ trợ USB 3) trở lên. * Sản phẩm kèm theo: Cáp sạc + bộ nguồn USB-C ≥ 20w. * Bảo hành: ≥ 12 tháng.	
3	Máy tính bảng loại 03	* Thiết kế: Độ dày máy: 6,1mm (± 1mm); trọng lượng: 460g (± 50g). * Màn hình: 11 inch, độ phân giải $\geq 2360 \times 1640$ pixels, công nghệ màn hình LED và IPS, GPU ≥ 9 Core, độ sáng ≥ 500nit, công nghệ chống in dấu vân tay. * CPU: ≥ 8 Core. * RAM: Dung lượng ≥ 8 GB. * Bộ nhớ: ≥ 128 GB. * Pin: $\geq 28,93$ watt-giờ, thời gian sử dụng liên tục: ≥ 10 giờ. * Bảo mật: Vân tay (Touch ID). * Camera: Camera trước ≥ 1 cái, độ phân giải ≥ 12 MP; Camera sau ≥ 1 cái, độ phân giải ≥ 12 MP, khẩu độ ≤ 1.8, có lớp bảo vệ ống kính, hỗ trợ quay video 4K, có chế độ chống rung. * Kết nối: trang bị kết nối wifi 6E, bluetooth 5.3 và USB-C (hỗ trợ USB 3) trở lên. * Sản phẩm kèm theo: Cáp sạc + bộ nguồn USB-C ≥ 20w.	

Stt	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật yêu cầu	Ghi chú
		* Bảo hành: ≥ 12 tháng.	
4	Bút cảm ứng	- Trọng lượng: 109g (± 50g) - Sản phẩm phải tương thích với các Máy tính bảng cung cấp kèm theo. - Có tính năng gắn kết bằng nam châm. - Có tính năng ghép đôi và sạc không dây. - Có tính năng chạm hai lần để đổi công cụ. - Có tính năng xoay thân bút để đổi hướng của các công cụ bút và cọ. - Có tính năng cảm nhận phản hồi khi bóp, chạm. - Bảo hành: ≥ 12 tháng.	

4. Thành phần của HSDX

HSDX do nhà cung cấp chuẩn bị phải bao gồm:

1. Đơn chào hàng theo **Mẫu số 01**, và các biểu mẫu tại **Chương III** kèm theo;
2. Hồ sơ pháp lý và năng lực kinh nghiệm theo quy định tại **Mục 2**.
3. Đề xuất kỹ thuật: theo quy định tại **Mục 3**.

4. Đề xuất tài chính: Nhà cung cấp đưa ra mức giá đề xuất và nêu điều kiện thanh toán cho toàn bộ các hàng hóa, dịch vụ trong phạm vi cung cấp quy định tại **Mục 3**; Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” của một mục mà nhà cung cấp không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà cung cấp đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác thuộc gói mua sắm, nhà cung cấp phải có trách nhiệm thực hiện.

5. Thời gian có hiệu lực của HSDX:

Thời gian có hiệu lực của HSDX là 40 ngày, kể từ hạn cuối nhận HSDX.

6. Nộp, tiếp nhận HSDX

- Nhà cung cấp phải gửi 01 bản gốc HSDX đến Phòng Tổ chức hành chính - Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam; Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà N02-T2 Khu Đoàn Ngoại giao - Phường Xuân Đình - Hà Nội chậm nhất là vào thời điểm: **15 giờ 00 phút, ngày 15 tháng 08 năm 2025**.

7. Đánh giá HSDX và thương thảo hợp đồng

Việc đánh giá HSDX được thực hiện theo quy định tại Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDX. Nhà cung cấp có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá và sau khi tính ưu đãi thấp nhất được xếp hạng thứ nhất và được mời vào thương thảo hợp đồng.

8. Chi phí, đồng tiền, ngôn ngữ

- Nhà cung cấp phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự chào hàng.

- Đồng tiền tham dự chào hàng và đồng tiền thanh toán là VND.

- HSDX và tất cả văn bản liên quan phải được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu và tư liệu bổ trợ trong HSDX có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt.

Chương II. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSĐX

1. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSĐX

1.1. Kiểm tra HSĐX

Kiểm tra các thành phần của HSĐX theo yêu cầu tại **Mục 4, Chương I – Chỉ dẫn nhà cung cấp**;

1.2. Tiêu chí đánh giá tính hợp lệ của HSĐX

HSĐX của nhà cung cấp được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

- a) Có bản gốc HSĐX;
- b) Có đơn chào hàng được đại diện hợp pháp của nhà cung cấp ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của HSYC;
- c) Thời gian thực hiện hợp đồng nêu trong đơn chào hàng phải đáp ứng yêu cầu nêu trong HSYC;
- d) Giá chào ghi trong đơn chào hàng phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với bảng tổng hợp giá chào, không đề xuất các giá chào khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Công ty Chứng khoán Công thương;
- đ) Thời gian có hiệu lực của HSĐX đáp ứng yêu cầu nêu tại **Mục 5, Chương I – Chỉ dẫn nhà cung cấp**;
- e) Nhà cung cấp bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Điểm a, Mục 2, Chương I – Chỉ dẫn nhà cung cấp.

Nhà cung cấp có HSĐX hợp lệ được xem xét, đánh giá tiếp về năng lực, kinh nghiệm.

2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

Sử dụng tiêu chí Đạt/không đạt để đánh giá năng lực và kinh nghiệm theo Điểm b, Mục 2, Chương I – Chỉ dẫn nhà cung cấp. Chi tiết như sau:

Stt	Nội dung yêu cầu	Tài liệu chứng minh	
1	Ngành nghề đăng ký kinh doanh phù hợp	Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp.	
2	Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự về việc cung cấp máy tính bảng trong vòng 03 năm trở lại đây: - Số lượng hợp đồng ≥ 01 - Giá trị của hợp đồng ≥ 945 triệu đồng	Bản sao được chứng thực các tài liệu: - Hợp đồng; - Biên bản nghiệm thu hợp đồng hoặc biên bản thanh lý hợp đồng hoặc hoặc hóa đơn giá trị gia tăng hoặc các tài liệu khác có giá trị chứng minh tương đương.	

3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng tiêu chí Đạt/không đạt để đánh giá về kỹ thuật theo Mục 3, Chương I – Chỉ dẫn nhà cung cấp. Chi tiết:

Stt	Nội dung yêu cầu	Đạt	Không đạt
1	Yêu cầu về phạm vi cung cấp	Chào đúng danh mục, chủng loại hàng hóa theo bảng yêu cầu về phạm vi cung cấp	Chào không đúng danh mục, chủng loại hàng hóa theo bảng yêu cầu về phạm vi cung cấp
2	Yêu cầu về tiến độ cung cấp	Đề xuất tiến độ cung cấp đáp ứng yêu cầu: ≤ 15 ngày, kể từ ngày ký kết HĐ	Đề xuất tiến độ cung cấp không đáp ứng yêu cầu: > 15 ngày, kể từ ngày ký kết HĐ
3	Yêu cầu về kỹ thuật	Chào hàng hóa có thông số kỹ thuật đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật (kèm theo catalogue hoặc cam kết về thông số kỹ thuật)	Chào hàng hóa có thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật
4	Yêu cầu về bảo hành	Đề xuất thời gian bảo hành hàng hóa ≥ 12 tháng kể từ ngày bàn giao	Đề xuất thời gian bảo hành hàng hóa < 12 tháng kể từ ngày bàn giao
5	Yêu cầu về nguồn gốc, xuất xứ của hàng hóa	Có Cam kết cung cấp Giấy chứng nhận xuất xứ (CO), giấy chứng nhận chất lượng (CQ) của hàng hóa hoặc các tài liệu có giá trị chứng minh tương tự khi thực hiện hợp đồng	Không có Cam kết cung cấp Giấy chứng nhận xuất xứ (CO), giấy chứng nhận chất lượng (CQ) của hàng hóa hoặc các tài liệu có giá trị chứng minh tương tự khi thực hiện hợp đồng

4. Xác định giá chào

Cách xác định giá chào thấp nhất theo các bước sau:

Bước 1: Xác định giá chào;

Bước 2: Sửa lỗi thực hiện theo quy định;

Bước 3: Hiệu chỉnh sai lệch thực hiện theo quy định;

Bước 4: Xác định giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 5: Xếp hạng nhà cung cấp. HSDX có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) và cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Ghi chú:

(1) Sửa lỗi:

Việc sửa lỗi số học và các lỗi khác được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:

a) Lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá chào. Trường hợp không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở cho việc sửa lỗi; nếu phát hiện đơn giá có sự sai khác bất thường do lỗi hệ thập phân (10 lần, 100 lần, 1.000 lần) thì thành tiền là cơ sở cho việc sửa lỗi. Trường hợp tại cột "đơn giá" và cột "thành tiền" nhà cung cấp không ghi giá trị hoặc ghi là "0" thì được coi là nhà cung cấp đã phân bổ giá của công việc này vào các công việc khác thuộc gói thầu, nhà cung cấp phải có trách nhiệm thực hiện hoàn thành các công việc này theo đúng yêu cầu nêu trong HSYC và được thanh toán theo đúng giá đã chào.

b) Các lỗi khác:

- Tại cột thành tiền đã được điền đầy đủ giá trị nhưng không có đơn giá tương ứng thì đơn giá được xác định bổ sung bằng cách chia thành tiền cho số lượng; khi có đơn giá nhưng cột thành tiền bỏ trống thì giá trị cột thành tiền sẽ được xác định bổ sung bằng cách nhân số lượng với đơn giá; nếu một nội dung nào đó có điền đơn giá và giá trị tại cột thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bổ sung bằng cách chia giá trị tại cột thành tiền cho đơn giá của nội dung đó. Trường hợp số lượng được xác định bổ sung nêu trên khác với số lượng nêu trong HSYC thì giá trị sai khác đó là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh theo quy định tại Bước 3;

- Lỗi nhầm đơn vị tính: sửa lại cho phù hợp với yêu cầu nêu trong HSYC;

- Lỗi nhầm đơn vị: sử dụng dấu "," (dấu phẩy) thay cho dấu "." (dấu chấm) và ngược lại thì được sửa lại cho phù hợp theo cách viết của Việt Nam. Khi bên mời thầu cho rằng dấu phẩy hoặc dấu chấm trong đơn giá nhà cung cấp chào rõ ràng đã bị đặt sai chỗ thì trong trường hợp này thành tiền của hạng mục sẽ có ý nghĩa quyết định và đơn giá sẽ được sửa lại;

- Nếu có sai sót khi cộng các khoản tiền để ra tổng số tiền thì sẽ sửa lại tổng số tiền theo các khoản tiền;

- Nếu có sự khác biệt giữa con số và chữ viết thì lấy chữ viết làm cơ sở pháp lý cho việc sửa lỗi. Nếu chữ viết sai thì lấy con số sau khi sửa lỗi theo quy định tại Mục này làm cơ sở pháp lý.

(2) Hiệu chỉnh sai lệch:

a) Trường hợp có sai lệch về phạm vi cung cấp thì giá trị phần chào thiếu sẽ được cộng thêm vào, giá trị phần chào thừa sẽ được trừ đi theo mức đơn giá tương ứng trong HSDX của nhà cung cấp có sai lệch;

Trường hợp một hạng mục trong HSDX của nhà cung cấp có sai lệch không có đơn giá thì lấy mức đơn giá cao nhất đối với hạng mục này trong số các HSDX của nhà cung cấp khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp trong HSDX của các nhà cung cấp vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật không có đơn giá của hạng mục này thì lấy đơn giá trong dự toán được duyệt của gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch;

Trường hợp chỉ có một nhà cung cấp duy nhất vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật thì tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trên cơ sở lấy mức đơn giá tương ứng trong HSDX của nhà cung cấp này; trường hợp HSDX của nhà cung cấp không có đơn giá tương ứng thì lấy mức đơn giá trong dự toán của gói thầu được duyệt làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

ĐƠN CHÀO HÀNG⁽¹⁾

Ngày: ... [Điền ngày tháng năm ký đơn chào hàng]

Tên gói mua sắm: ... [Ghi tên gói mua sắm theo HSYC]

Kính gửi: [Điền đầy đủ và chính xác tên của bên mời chào hàng]

Sau khi nghiên cứu hồ sơ yêu cầu và văn bản sửa đổi hồ sơ yêu cầu số ... [Ghi số của văn bản sửa đổi, nếu có] mà chúng tôi nhận được, chúng tôi, ... [Ghi tên nhà cung cấp]; có địa chỉ tại ... [Ghi địa chỉ của nhà cung cấp] cam kết thực hiện gói mua sắm ... [Ghi tên gói mua sắm] theo đúng yêu cầu của hồ sơ yêu cầu với tổng số tiền là ... [Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền]⁽²⁾ cùng với biểu giá kèm theo.

Thời gian thực hiện hợp đồng là ... [Ghi thời gian để thực hiện xong tất cả nội dung công việc theo yêu cầu của gói mua sắm]⁽³⁾.

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong hồ sơ đề xuất này với tư cách là nhà cung cấp chính.
2. Không đang trong quá trình giải thể, không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của Pháp luật.
3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.
4. Không thực hiện hành vi bị cấm trong đấu thầu khi tham dự gói mua sắm này.
5. Những thông tin kê khai trong hồ sơ đề xuất là trung thực.

Hồ sơ đề xuất này có hiệu lực trong ... ngày [Ghi số ngày có hiệu lực theo đúng HSYC], kể từ ngày ... tháng ... năm ... [Ghi ngày có hạn cuối nộp HSDX theo HSYC].

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp⁽⁴⁾

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Nhà cung cấp lưu ý điền đầy đủ và chính xác các thông tin về tên của bên mời chào hàng, nhà cung cấp, thời gian lưu ý điền đầy đủ và chính xác các thông tin về tên của bên mời chào hàng, nhà cung cấp, thời gian

(2) Giá chào ghi trong đơn chào hàng phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với tổng giá chào hàng ghi trong biểu giá tổng hợp, không đề xuất các giá chào khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho chủ đầu tư.

(3) Thời gian thực hiện hợp đồng nêu trong đơn chào hàng phải phù hợp với đề xuất về kỹ thuật và yêu cầu về tiến độ nêu tại Mục 1 Chương I – Chỉ dẫn nhà cung cấp.

(4) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp ủy quyền cho cấp dưới ký đơn chào hàng phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền; trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm theo pháp luật của nhà cung cấp ủy quyền cho cấp dưới ký đơn chào hàng phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền.

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ CHÀO HÀNG

STT	Nội dung	Giá chào hàng
1	Hàng hoá	(M)
2	VAT	
	Tổng cộng giá chào hàng (Kết chuyển sang đơn đề xuất)	(M)

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢNG GIÁ CHÀO HÀNG CỦA HÀNG HÓA

Bản chào giá có hiệu lực là ____ ngày [Ghi số ngày], kể từ ngày nộp hồ sơ đề xuất.

1	2	3	4	5	6	7	8
STT	Nội dung	Đơn vị tính	Quy cách	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1						M1	
2						M2	
Tổng cộng giá dự gói mua sắm của hàng hoá đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) <i>(Kết chuyển sang bảng tổng hợp giá chào hàng)</i>						M=M1+..... ...	

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

DỰ THẢO HỢP ĐỒNG

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Hợp đồng số: _____

- Căn cứ (2) ____ [*Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11*];

- Căn cứ ____ [*căn cứ tính chất, yêu cầu của các gói thầu mà quy định các căn cứ pháp lý cho phù hợp*];

- Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của ____ về việc phê duyệt lựa chọn nhà cung cấp gói mua sắm ____ [*Ghi tên gói thầu*] và thông báo kết quả lựa chọn nhà cung cấp số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của bên mời thầu;

- Căn cứ biên bản hoàn thiện hợp đồng đã được bên mời thầu và nhà thầu trúng thầu ký ngày ____ tháng ____ năm ____;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)

Tên chủ đầu tư [*Ghi tên chủ đầu tư*]:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

E-mail:

Tài khoản:

Mã số thuế:

Đại diện là ông/bà:

Chức vụ:

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền).

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Tên nhà thầu [*Ghi tên nhà thầu trúng thầu*]:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

E-mail:

Tài khoản:

Mã số thuế:

Đại diện là ông/bà:

Chức vụ:

Giấy ủy quyền số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền) hoặc các tài liệu khác có liên quan.

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Bên A giao cho Bên B thực hiện việc cung cấp hàng hóa theo danh mục được nêu chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Trách nhiệm của Bên A

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng và phương thức thanh toán nêu tại Điều 5 của hợp đồng này cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được nêu trong hợp đồng.

Điều 3. Trách nhiệm của Bên B

Bên B cam kết cung cấp cho Bên A đầy đủ các loại hàng hóa và dịch vụ liên quan như nêu tại Điều 1 của hợp đồng này, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong hợp đồng.

Điều 4. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng: ____ [Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ].

2. Phương thức thanh toán:

a) Hình thức thanh toán [Căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định thanh toán bằng tiền mặt, thư tín dụng, hoặc chuyển khoản...].

b) Thời hạn thanh toán [Căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định thời hạn thanh toán ngay hoặc trong vòng một số ngày nhất định kể từ khi nhà thầu xuất trình đầy đủ các chứng từ theo yêu cầu. Đồng thời, cần quy định cụ thể về chứng từ thanh toán phù hợp với quy định của pháp luật].

c) Số lần thanh toán [Căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định số lần thanh toán, có thể theo giai đoạn, theo phần công việc đã hoàn thành hoặc thanh toán một lần khi hoàn thành toàn bộ hợp đồng].

Điều 5. Loại hợp đồng: Trọn gói

Điều 6. Thời gian thực hiện hợp đồng

Thời gian thực hiện hợp đồng: ____ [Ghi thời gian thực hiện hợp đồng phù hợp với yêu cầu của HSYC và kết quả thương thảo, hoàn thiện hợp đồng giữa hai bên].

Điều 7. Hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng

1. Việc hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau: ____ [Ghi các trường hợp mà hợp đồng có thể được điều chỉnh cho phù hợp với tính chất của gói thầu].

2. Trường hợp phát sinh các hạng mục công việc ngoài phạm vi hợp đồng, Bên A và Bên B sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng.

Điều 8. Chấm dứt hợp đồng

1. Bên A hoặc Bên B có thể chấm dứt hợp đồng nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về hợp đồng như sau:

a) Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Bên A gia hạn;

b) Bên B bị phá sản, giải thể;

c) Các hành vi khác (nếu có).

2. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm a khoản 1 Điều này, Bên A có thể ký hợp đồng với nhà thầu khác để thực hiện phần hợp đồng mà Bên B đã không thực hiện. Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng này. Tuy nhiên, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng mà mình đang thực hiện và chịu trách nhiệm bảo hành phần hợp đồng đó.

3. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm b khoản 1 Điều này, Bên A không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Bên A được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.

Điều 9. Tính hợp lệ của hàng hóa

Bên B phải nêu rõ xuất xứ của hàng hóa; ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm và các tài liệu kèm theo để chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa và phải tuân thủ các quy định về tiêu chuẩn hiện hành tại quốc gia hoặc vùng lãnh thổ mà hàng hóa có xuất xứ.

Điều 10. Cung cấp, vận chuyển, kiểm tra và thử nghiệm hàng hóa

1. Bên B phải cung cấp hàng hóa và giao các tài liệu, chứng từ (kèm theo) theo tiến độ nêu trong hồ sơ yêu cầu, cụ thể là: _____ [Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà nêu cụ thể về việc giao hàng và các tài liệu, chứng từ kèm theo].

2. Yêu cầu về vận chuyển hàng hóa: _____ [Nêu yêu cầu về vận chuyển hàng hóa, bao gồm cả địa điểm giao hàng căn cứ yêu cầu và tính chất của gói thầu].

3. Bên A hoặc đại diện của Bên A có quyền kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa được cung cấp để đảm bảo hàng hóa đó có đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của hợp đồng. Thời gian, địa điểm và cách thức tiến hành kiểm tra, thử nghiệm: _____ [Ghi thời gian, địa điểm, cách thức tiến hành, chi phí cho việc kiểm tra, thử nghiệm... cũng như quy định về cách thức xử lý đối với các hàng hóa không đạt yêu cầu qua kiểm tra, thử nghiệm]. Trường hợp hàng hóa không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng thì Bên A có quyền từ chối và Bên B phải có trách nhiệm thay thế hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật. Trường hợp Bên B không có khả năng thay thế hay điều chỉnh các hàng hóa không phù hợp, Bên A có quyền tổ chức việc thay thế hay điều chỉnh nếu thấy cần thiết, mọi rủi ro và chi phí liên quan do Bên B chịu. Việc thực hiện kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa của Bên A không dẫn đến miễn trừ nghĩa vụ bảo hành hay các nghĩa vụ khác theo hợp đồng của Bên B.

Điều 11. Bảo hành

1. Bên B bảo đảm rằng hàng hóa được cung cấp theo hợp đồng là mới, chưa sử dụng, đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn chế tạo và sẽ không có các khuyết tật nảy sinh dẫn đến bất lợi trong quá trình sử dụng hàng hóa.

2. Yêu cầu về bảo hành đối với hàng hóa như sau: _____ [Nêu yêu cầu về bảo hành (nếu có) như sau: thời hạn bảo hành, phiếu bảo hành kèm theo, cơ chế giải quyết các hư hỏng, khuyết tật phát sinh trong quá trình sử dụng hàng hóa trong thời hạn bảo hành...].

Điều 12. Giải quyết tranh chấp

1. Bên A và Bên B có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.

2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian: __[Ghi cụ thể thời gian] kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế: __[Ghi cơ chế xử lý tranh chấp].

Điều 13. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ __[Ghi cụ thể ngày có hiệu lực của hợp đồng].

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành __bộ, chủ đầu tư giữ __bộ, nhà thầu giữ __bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA

NHÀ THẦU

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA

CHỦ ĐẦU TƯ

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

